

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27-3-2025
“V/v Tranh chấp về Ly hôn
và yêu cầu nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Quang.

Bà Vũ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:
Bà Thị Kim Lài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 306/2024/TLST-HNGĐ, ngày 06/12/2024 về việc “Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Thúy L – sinh năm 2005 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố P, Thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh Danh D – sinh năm 1999 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 28/11/2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị Thúy L trình bày:

Vào năm 2023, chị và anh D1 Dủ tự tìm hiểu tình cảm được một khoảng thời gian thì kết hôn với nhau. Hôn nhân tự nguyện, hai bên gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy Ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 13/3/2024.

Sau khi cưới, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được khoảng 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị L là do chồng chị không lo làm ăn, không quan tâm vợ con mà còn cờ bạc, sau đó anh D đi lên S làm thì chị không

liên lạc được nên vợ chồng sống ly thân với nhau từ tháng 9/2024 đến nay. Trong thời gian ly thân chị và chồng không có gặp mặt, không có liên lạc, chồng cũng không qua thăm con một lần nên vợ chồng không trao đổi cũng như không thể hàn gắn với nhau được. Chị cũng muốn hàn gắn nhưng phía chồng không có động thái hòa giải nên nay chị xét thấy không thể hàn gắn nên xin được ly hôn, để trả cho cả hai sự tự do, không ràng buộc gì với nhau về sau.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung tên Võ Hoàng K – sinh ngày 22/3/2024, con chung hiện tại do chị và cha mẹ ruột của chị chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Về quan hệ hôn nhân, chị Võ Thị Thúy L yêu cầu được ly hôn với anh Danh D; Về con chung, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là Võ Hoàng K – sinh ngày 22/3/2024 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Anh Danh D không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho anh D nhưng chị không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh D.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận cho chị Võ Thị Thúy L được ly hôn với anh Danh D; Về con chung: Giao con chung tên Võ Hoàng K – sinh ngày 22/3/2024 cho chị Võ Thị Thúy L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận việc chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung: không có và chị L không yêu cầu nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Võ Thị Thúy L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh D1 Dù được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định

tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Anh Danh D với tư cách là bị đơn trong vụ án, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, anh D không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc khác, anh Danh D đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Danh D.

[2] Về hôn nhân: Chị Võ Thị Thúy L và anh D1 Đã xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2023, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 13/3/2024, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Võ Thị Thúy L được ly hôn với anh Danh D vì lý do anh D không quan tâm chăm sóc vợ con, không lo làm ăn mà còn cờ bạc. Từ ngày ly thân chị và anh D không một lần gặp mặt, không trao đổi qua điện thoại, anh D không qua thăm con, cũng như không chu cấp để chị nuôi con cứ im lặng kéo dài đến nay. Đối với anh Danh D, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tổng đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng anh D đều không có mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị Võ Thị Thúy L khai rõ trong suốt thời gian ly thân, vợ chồng anh không hòa giải được với nhau, bản thân chị thì không còn tình cảm gì với anh D và tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn với anh D. HĐXX thấy rằng, chị Võ Thị Thúy L và anh Danh D đã không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc; thời gian anh chị sống ly thân là để cả hai có thời gian cùng nhau nhìn lại những gì đã trải qua nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng và tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Thúy L là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Võ Thị Thúy L xác định vợ chồng có 01 con chung tên Võ Hoàng K – sinh ngày 22/3/2024. Cháu K hiện nay đang sống cùng với chị và ông bà ngoại nên chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu. Xét từ ngày ly thân đến nay cháu K đều do chị L chăm sóc và cháu phát triển một cách bình thường như bao đứa trẻ khác nên yêu cầu nêu trên là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, HĐXX xem xét ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị Thúy L xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Do anh Danh D không có ý kiến tại Tòa về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này có phát sinh tranh chấp về các vấn đề trên thì anh D có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Án phí ly hôn chị Võ Thị Thúy L phải chịu nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị Thúy L được ly hôn với anh Danh D.

2. Về con chung: Giao con chung tên Võ Hoàng K – sinh ngày 22/3/2024 cho chị Võ Thị Thúy L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận việc chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh Danh D không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh D thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh, chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Chị Võ Thị Thúy L phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) anh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010045, ngày 05/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Võ Thị Thúy L đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 27/3/2025.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- UBND xã Vĩnh Phước B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Kim Nhập